

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2018/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về phân cấp quản lý tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Xét Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 56/BC-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 05 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2018.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 26/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 04/2018/NQ-HĐND

Ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Tài sản công được phân cấp quản lý gồm:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm: đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất);
- b) Xe ô tô (gồm xe ô tô công tác và xe ô tô chuyên dùng);
- c) Máy móc, thiết bị;
- d) Tài sản khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Cơ quan nhà nước;
- b) Đơn vị sự nghiệp công lập;
- c) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;
- d) Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội;
- đ) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý tài sản công.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

1. Nhằm bảo đảm cho việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc phân cấp phù hợp với quy định phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu công tác quản lý tài sản công của tỉnh.

2. Tài sản công được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch, mọi hành vi vi phạm chế độ quản

lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

3. Tạo điều kiện và nâng cao năng lực quản lý cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị; đồng thời tăng cường thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, hướng dẫn của các ngành, các cấp cũng như các cơ quan, tổ chức, đơn vị về quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công phải quản lý, sử dụng tài sản theo đúng chế độ hiện hành và theo quy định về phân cấp quản lý của tỉnh; thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II

NỘI DUNG PHÂN CẤP QUẢN LÝ

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là Nghị định số 151/2017/NĐ-CP).

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Đối với việc mua sắm tài sản theo phương thức tập trung của tỉnh (trừ thuốc chữa bệnh): Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Chương VI Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan, trên cơ sở đề nghị của đơn vị mua sắm tập trung của tỉnh;

b) Đối với việc mua sắm tài sản không theo phương thức tập trung của tỉnh:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với tài sản: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô theo quy định tại Nghị định của Chính phủ; tài sản khác có giá trị lớn từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh quyết định mua sắm tài sản có giá trị từ 100 (một trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 (một) lần mua sắm tài sản (một gói thầu) từ dự toán kinh phí được giao hàng năm và nguồn thu được phép để lại sử dụng theo chế độ quy định trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) quyết định mua sắm tài sản trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài

chính - Kế hoạch đối với tài sản có giá trị từ 100 (một trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 (một) lần mua sắm tài sản (một gói thầu) từ dự toán kinh phí được giao hàng năm và nguồn thu được phép để lại sử dụng theo chế độ quy định của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành của tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 (một) lần mua sắm tài sản (một gói thầu) từ dự toán kinh phí được giao hàng năm và nguồn thu được phép để lại sử dụng theo chế độ quy định thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện).

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động

1. Đối với thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

2. Đối với thuê tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị: Trong phạm vi dự toán kinh phí được giao hàng năm và nguồn thu được phép để lại sử dụng theo chế độ quy định, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thuê theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của cấp có thẩm quyền.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính đối với các loại tài sản: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh quyết định thu hồi tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 (một) lần thu hồi tài sản trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 (một) lần thu hồi tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành của tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 (một) lần thu hồi tài sản thuộc phạm vi quản lý hoặc theo yêu cầu của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với các loại tài sản: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và tài sản khác, trong các trường hợp sau:

- a) Giữa các sở, ban, ngành của tỉnh;
- b) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh với cấp huyện, cấp xã;
- c) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện khác đơn vị hành chính.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh quyết định điều chuyển tài sản trong phạm vi nội bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản (trừ xe ô tô) trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch trong các trường hợp sau:

- a) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý;
- b) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện với cấp xã;
- c) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã khác đơn vị hành chính.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành của tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp

xã quyết định điều chuyển tài sản thuộc phạm vi quản lý (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với các loại tài sản: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh quyết định bán tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 (một) lần bán tài sản trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 (một) lần bán tài sản của các quan tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành của tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 (một) lần bán tài sản thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện).

5. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với các loại tài sản sau: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh; xe ô tô; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh quyết định thanh lý tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 (một) lần thanh lý tài sản trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch đối với các loại tài sản sau: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã. Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 (một) lần thanh lý tài sản (trừ xe ô tô) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành của tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản có giá trị dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 (một) lần thanh lý tài sản thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện).

5. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với các loại tài sản sau: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 (một) lần tiêu hủy tài sản trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 (một) lần tiêu hủy tài sản trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành của tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 (một) lần tiêu hủy tài sản thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Điều 10. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê